

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 11 - 6 - 2019

V/v: Tranh chấp tài sản sau
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Minh Lý.

2. Ông Nguyễn Ngọc Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 769/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2018 về việc “Tranh chấp tài sản sau khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/5/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Xuân Y, sinh năm 1978; địa chỉ hộ khẩu thường trú: Số A, Tổ B, Khu phố C, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên lạc: Số M, Tổ B, Khu phố C, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1977; địa chỉ: Số A, Tổ B, Khu phố C, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Hồ Văn X; địa chỉ: Số K, đường L, Tổ H, Khu phố I, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân Y trình bày:**

Bà Y và ông H kết hôn năm 2000 nhưng đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 587/2017/QĐST-HNGĐ ngày 11/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố T. Trong quyết định, phần tài sản chung, hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, sau khi ly hôn, bà Y và ông H không thỏa thuận được về việc giải quyết tài sản chung của vợ chồng. Vì vậy, bà Y khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Yêu cầu Tòa án chia đôi giá trị tài sản chung của bà Y và ông H sau khi ly hôn bao gồm: Giá trị 01 căn nhà cấp 4, diện tích 90m²; 01 bộ salon gỗ đỏ, 01 tivi TCL màu

50 in, 01 máy giặt Sanyo 7kg, 01 tủ lạnh Sanyo 140 lít; 01 máy hút bụi Sanyo; 01 bộ bàn ghế inox; 01 thùng loa kéo kéo; tổng trị giá 185.600.000 đồng. Bà Y yêu cầu được nhận tài sản là hiện vật và đồng ý hoàn trả 50% giá trị tài sản nói trên tương đương 92.800.000 đồng cho ông H.

Ngày 21/12/2018, bà Y có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tài sản gồm: 01 bộ salon gỗ đỏ, 01 tivi TCL màu 50 in, 01 máy giặt Sanyo 7kg, 01 tủ lạnh Sanyo 140 lít; 01 máy hút bụi Sanyo; 01 bộ bàn ghế inox; 01 thùng loa kéo kéo.

- Yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sử dụng diện tích đất 95,3m², thuộc thửa đất số 2596, tờ bản đồ số 10; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 658356, số vào sổ H 32536; do UBND thị xã (nay là thành phố) T cấp cho bà Nguyễn Thị Xuân Y ngày 17/10/2008; đất tọa lạc tại phường Tương Bình Hiệp, thành phố T, tỉnh Bình Dương giữa ông Nguyễn Minh H và ông Hồ Văn X. Buộc ông H trả lại cho bà Y bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 658356, số vào sổ H 32536; do UBND thị xã (nay là thành phố) T cấp cho bà Nguyễn Thị Xuân Y ngày 17/10/2008.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Y đồng ý thanh toán giá trị căn nhà cho ông Nguyễn Minh H với số tiền là 204.435.000 đồng theo giá trị định giá. Sau khi bà Y thanh toán xong thì bà Y được toàn quyền sở hữu tài sản nhà, đất diện tích đất 95,3m², thuộc thửa đất số 2596, tờ bản đồ số 10; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 658356, số vào sổ H 32536; do UBND thị xã (nay là thành phố) T cấp cho bà Nguyễn Thị Xuân Y ngày 17/10/2008.

Đối với yêu cầu độc lập của ông X: Bà Y không đồng ý. Bà Y hoàn toàn không biết giao dịch vay mượn tiền giữa ông X và ông H và cũng không ký tên vào giấy mượn tiền. Bà Y xác định không vay mượn tiền của ông X mà ông X giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Y là không đúng. Đề nghị Tòa án tuyên giao dịch vay mượn tiền giữa ông X và H vô hiệu, buộc ông X trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Y.

*** Bị đơn ông Nguyễn Minh H trình bày:**

Ông H kết hôn với bà Nguyễn Thị Xuân Y năm 2000 nhưng đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 587/2017/QĐST-HNGĐ ngày 11/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố T. Trong quyết định, phân tài sản chung, hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, sau khi ly hôn ông H và bà Y không thỏa thuận được về việc giải quyết tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn.

Ông H xác định căn nhà cấp 4 tọa lạc tại Số A, Tổ B, Khu phố C, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, diện tích xây dựng 90m² gắn liền diện tích đất 95,3m² thuộc thửa đất số 2596, tờ bản đồ số 10; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 658356, số vào sổ H 32536; do UBND thị xã (nay là thành phố) T cấp cho bà Nguyễn Thị Xuân Y ngày 17/10/2008. Đây là tài sản chung do cha, mẹ bà Y cho hai vợ chồng, không phải cho riêng bà Y và ông H đã bỏ ra 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) để chuyên mục đích sử dụng đất lên đất thổ cư; ông H yêu cầu bà Y phải hoàn trả lại cho ông H ½ số tiền này là 15.000.000 đồng. Trước yêu cầu khởi kiện của bà Y, ông H yêu cầu Tòa án chia đôi và được nhận 50% giá trị tài sản chung là phần đất diện tích 95,3m² và căn nhà cấp 4 gắn liền trên đất, ông H yêu cầu được nhận giá trị bằng tiền.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải và ông H đồng ý nhận số tiền 204.435.000 đồng theo giá định giá. Sau khi bà Y thanh toán tiền xong thì bà Y được toàn quyền sở hữu tài sản là diện tích đất 95,3m², thuộc thửa đất số 2596, tờ bản đồ số 10; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 658356, số vào sổ H 32536; do UBND thị xã (nay là thành phố) T cấp cho bà Nguyễn Thị Xuân Y ngày 17/10/2008 và căn nhà cấp 4 gắn liền trên đất.

Đối với tài sản là vật dụng sinh hoạt trong gia đình: Bà Y không tranh chấp nên ông H không có ý kiến hay tranh chấp gì.

Về án phí và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá sơ thẩm các bên đương sự không thống nhất với nhau và đề nghị hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu độc lập của ông X: Ngày 03/8/2008, ông H có cầm cố bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 658356 mang tên Nguyễn Thị Xuân Y cho Dịch vụ cầm đồ Minh Hoàng (do ông X làm chủ) để nhận số tiền là 10.000.000 đồng. Hai bên có lập hợp đồng mượn tiền và thỏa thuận lãi suất là 4%/tháng, thời hạn vay là 01 tháng, khi nào ông H có tiền trả thì ông X trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc vay mượn tiền này ông H có thông báo cho bà Y biết và bà Y cũng đồng ý. Ông H không đồng ý với yêu cầu độc lập của ông X. Ông H thừa nhận có vay của ông X số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 03/8/2008 nhưng mức lãi suất ông X đưa ra quá cao, mong ông X tính lại tiền lãi suất.

Hiện nay, ông X đang cất giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 658356, số vào sổ H 32536; do UBND thị xã (nay là thành phố) T cấp cho bà Nguyễn Thị Xuân Y ngày 17/10/2008; diện tích đất 95,3m², thuộc thửa đất số 2596, tờ bản đồ số 10; đất tọa lạc tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Hồ Văn X trình bày:**

Ngày 03/8/2018, ông Nguyễn Minh H và bà Nguyễn Thị Xuân Y có đến tiệm cầm đồ Minh Hoàng do ông X làm chủ cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Nguyễn Thị Xuân Y để vay của ông X số tiền 10.000.000 đồng. Để làm tin, cùng thời điểm này, ông X viết Giấy mượn tiền xác định: Ông H vay của ông X số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng, thời hạn vay là 01 tháng; ông H giao cho ông X bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Nguyễn Thị Xuân Y. Thực tế, biên nhận cầm đồ và giấy mượn tiền cùng đề ngày 03/8/2008 xác định cùng một nội dung vay mượn tiền giữa ông X và ông H, bà Y. Bà Y có đi cùng ông H nhưng do chỗ quen biết nên ông X chỉ yêu cầu ông H ký tên vào giấy mượn tiền.

Quá trình giải quyết vụ án, ông X yêu cầu độc lập, yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Minh H và bà Nguyễn Thị Xuân Y thanh toán số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh tạm tính trong thời gian 128 tháng (tạm tính từ ngày 03/8/2008 đến ngày 03/4/2019) với mức lãi suất 4%/tháng, thành tiền là 51.200.000 đồng; tổng cộng là 61.200.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 03/8/2008. Ông X đồng ý trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 658356 mang tên bà Nguyễn Thị Xuân Y cho ông H và bà Y khi ông H và bà Y thanh toán xong tiền trên.

Tại phiên tòa, ông Hồ Văn X và ông Nguyễn Minh H thỏa thuận như sau: Ông Nguyễn Minh H đồng ý thanh toán cho ông Nguyễn Văn X số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh từ ngày 03/8/2008 đến ngày 11/6/2019 là 15.000.000 đồng;

tổng cộng là 25.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) theo giấy mượn tiền ngày 03/8/2008. Sau khi ông H thanh toán xong thì ông Hồ Văn X có trách nhiệm giao trả cho bà Nguyễn Thị Xuân Y bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 658356, sổ vào sổ H 32536; do UBND thị xã (nay là thành phố) T cấp cho bà Nguyễn Thị Xuân Y ngày 17/10/2008.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông X tự nguyện nộp 1.250.000 đồng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu: Về quá trình tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, các đương sự đã thực hiện đúng quy định. Đại diện viện kiểm sát không có yêu cầu và kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận và tự nguyện của các bên đương sự và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Vụ án hôn nhân và gia đình về việc “Tranh chấp tài sản sau khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Minh H cư trú tại địa chỉ: Số A, Tổ B, Khu phố C, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với 01 căn nhà cấp 4, diện tích 95,3m²; 01 bộ salon gỗ đỏ, 01 tivi TCL màu 50 in, 01 máy giặt Sanyo 7kg, 01 tủ lạnh Sanyo 140 lít; 01 máy hút bụi Sanyo; 01 bộ bàn ghế inox; 01 thùng loa kéo kéo. Hội đồng xét xử xét thấy: Diện tích nhà cấp 4 kết cấu (tường xây tô, máy tole, nền gạch men) tọa lạc tại Số A, Tổ B, Khu phố C, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương gắn liền diện tích đất 95,3m² thuộc thửa đất số 2596, tờ bản đồ số 10; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 658356, sổ vào sổ H 32536; do UBND thị xã (nay là thành phố) T cấp cho bà Nguyễn Thị Xuân Y ngày 17/10/2008 (đo đạc thực tế diện tích 93,6m²; trong đó diện tích nhà là 69,3m²; diện tích đất 24,3m² theo kết quả đo đạc ngày 22/02/2018 của Chi Nhánh Văn phòng đăng ký đất đai T).

Tại Biên bản hòa giải ngày 14/5/2019 và tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Minh H và bà Nguyễn Thị Xuân Y tự nguyện thỏa thuận như sau: Bà Nguyễn Thị Xuân Y có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Minh H số tiền 204.435.000 đồng (hai trăm lẻ bốn triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn đồng) giá trị căn nhà diện tích 69,3m² gắn liền diện tích đất nêu trên. Sau khi bà Y thanh toán tiền xong cho ông H thì bà Y được toàn quyền sở hữu tài sản nhà, đất diện tích đất 95,3m² thuộc thửa đất số 2596, tờ bản đồ số 10; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 658356, sổ vào sổ H 32536; do UBND thị xã (nay là thành phố) T cấp cho bà Nguyễn Thị Xuân Y ngày 17/10/2008 (đo đạc thực tế diện tích 93,6m²; trong đó diện tích nhà là 69,3m² diện tích đất 24,3m² theo kết quả đo đạc ngày 22/02/2018 của Chi Nhánh Văn phòng đăng ký đất đai T). Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên đương sự nên Hội đồng xét xử công nhận.

[2.2] Đối với tài sản, vật dụng trong gia đình: Ngày 21/12/2018, bà Y có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện. Do đó, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu chia tài sản chung gồm: Giá trị 01 bộ salon gỗ đỏ, 01 tivi TCL màu 50 in, 01 máy giặt Sanyo 7kg, 01 tủ lạnh Sanyo 140 lít; 01 máy hút bụi Sanyo; 01 bộ bàn ghế inox; 01 thùng loa kéo kéo.

[2.3] Về án phí và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc định giá sơ thẩm:

Các bên đương sự không thống nhất với nhau và đề nghị hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 147, 155, 158 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc ông Nguyễn Minh H và bà Nguyễn Thị Xuân Y phải chịu 50% án phí đối với số tiền 204.435.000 đồng và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá sơ thẩm. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tổng cộng là 3.575.000 đồng; ông H và bà Y mỗi người phải nộp 1.787.500 đồng. Bà Nguyễn Thị Xuân Y đã thực hiện xong, do đó ông Nguyễn Minh H có nghĩa vụ thanh toán lại số tiền 1.787.500 đồng cho bà Nguyễn Thị Xuân Y.

[2.4] Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Tại phiên tòa, ông Hồ Văn X và ông Nguyễn Minh H thỏa thuận như sau: Ông Nguyễn Minh H đồng ý thanh toán cho ông Nguyễn Văn X số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh từ ngày 03/8/2008 đến ngày 11/6/2019 là 15.000.000 đồng; tổng cộng là 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) theo giấy mượn tiền ngày 03/8/2008. Sau khi ông H thanh toán xong thì ông Hồ Văn X có trách nhiệm giao trả cho bà Nguyễn Thị Xuân Y bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 658356, sổ vào sổ H 32536; do UBND thị xã (nay là thành phố) T cấp cho bà Nguyễn Thị Xuân Y ngày 17/10/2008.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông X tự nguyện nộp án phí sơ thẩm là 1.250.000 đồng.

Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nêu trên.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Về án phí: Các đương sự nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 70 các Điều 147, 155, 158, 203, 266, 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân Y đối với ông Nguyễn Minh H:

1.1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân Y đối với phần yêu cầu chia tài sản chung gồm: Giá trị 01 bộ salon gỗ đỏ, 01 tivi TCL màu 50 in, 01 máy giặt Sanyo 7kg, 01 tủ lạnh Sanyo 140 lít; 01 máy hút bụi Sanyo; 01 bộ bàn ghế inox; 01 thùng loa kéo kéo.

1.2. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau: Bà Nguyễn Thị Xuân Y có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Minh H số tiền là 204.435.000 đồng (hai trăm lẻ bốn triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn đồng). Sau khi bà Y thanh toán tiền xong thì bà Y được toàn quyền sở hữu tài sản là phần đất diện tích đất 95,3m², thuộc thửa đất số 2596, tờ bản đồ số 10; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 658356, số vào sổ H 32536; do UBND thị xã (nay là thành phố) T cấp cho bà Nguyễn Thị Xuân Y ngày 17/10/2008 và căn nhà cấp 4 gắn liền trên đất. *(kèm theo sơ đồ bản vẽ)*.

1.3. Bà Nguyễn Thị Xuân Y có trách nhiệm liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký kê khai, chỉnh lý lại diện tích đất cho đúng thực tế sử dụng.

2. Yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn X:

2.1. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau: Ông Nguyễn Minh H có trách nhiệm thanh toán cho ông Hồ Văn X số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh từ ngày 03/8/2008 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là 15.000.000 đồng; tổng cộng là 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

2.2. Ông Hồ Văn X có trách nhiệm giao trả cho bà Nguyễn Thị Xuân Y bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 658356, số vào sổ H 32536; do UBND thị xã (nay là thành phố) T cấp cho bà Nguyễn Thị Xuân Y ngày 17/10/2008.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí sơ thẩm:

3.1. Ông Nguyễn Minh H phải nộp 2.555.437 đồng.

3.2. Bà Y phải nộp 2.555.437 đồng; được khấu trừ số tiền 2.620.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0022740 ngày 27/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3.3. Ông Hồ Văn X tự nguyện nộp 1.250.000 đồng án phí sơ thẩm; được khấu trừ 1.530.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0022972 ngày 28/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá là 3.575.000 đồng, ông H và bà Y mỗi người phải nộp 1.787.500 đồng. Ông Nguyễn Minh H phải có trách nhiệm thanh toán số tiền 1.787.500 đồng cho bà Nguyễn Thị Xuân Y đã nộp tạm ứng trước đây tại Tòa án.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án

dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T;
- Chi cục thi hành án dân sự TP T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Thanh Phong